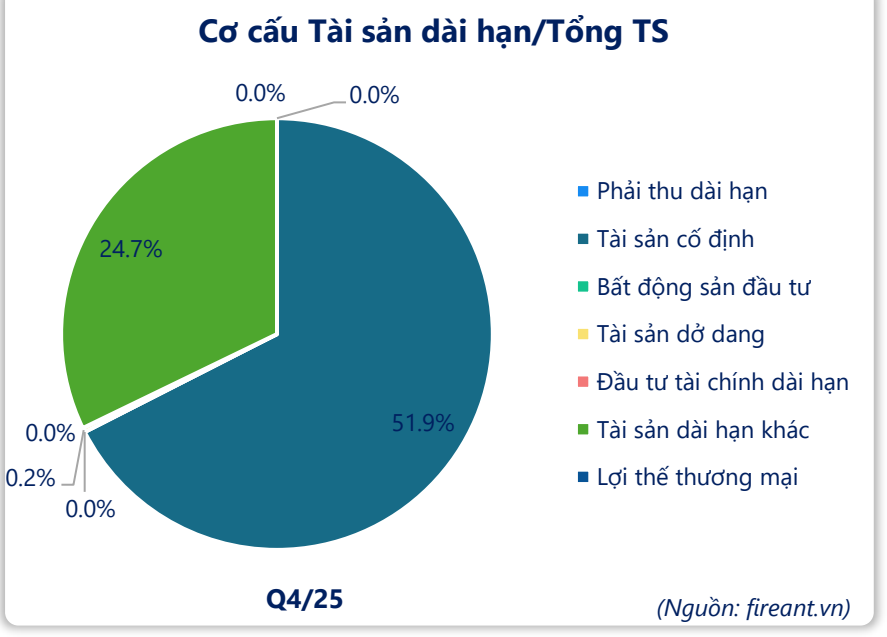
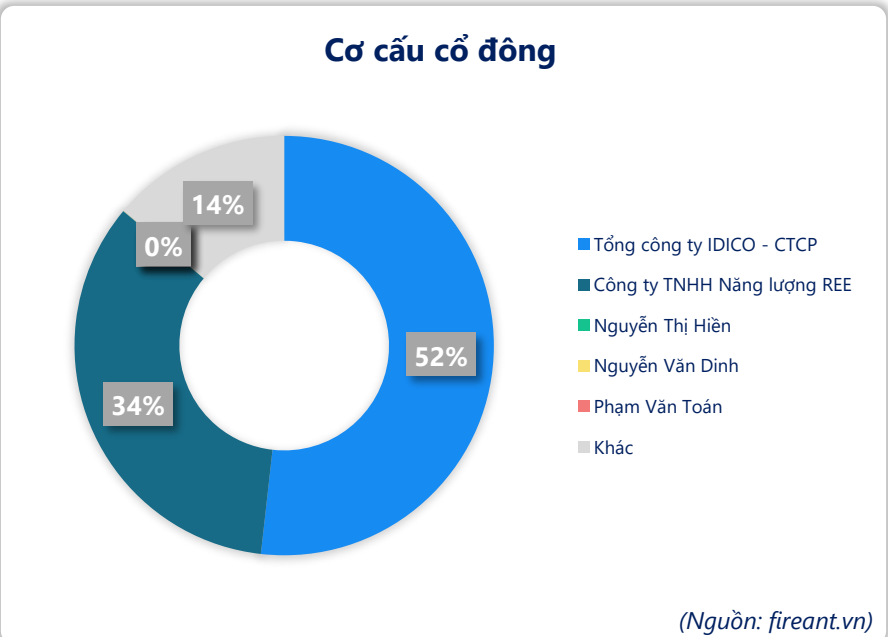
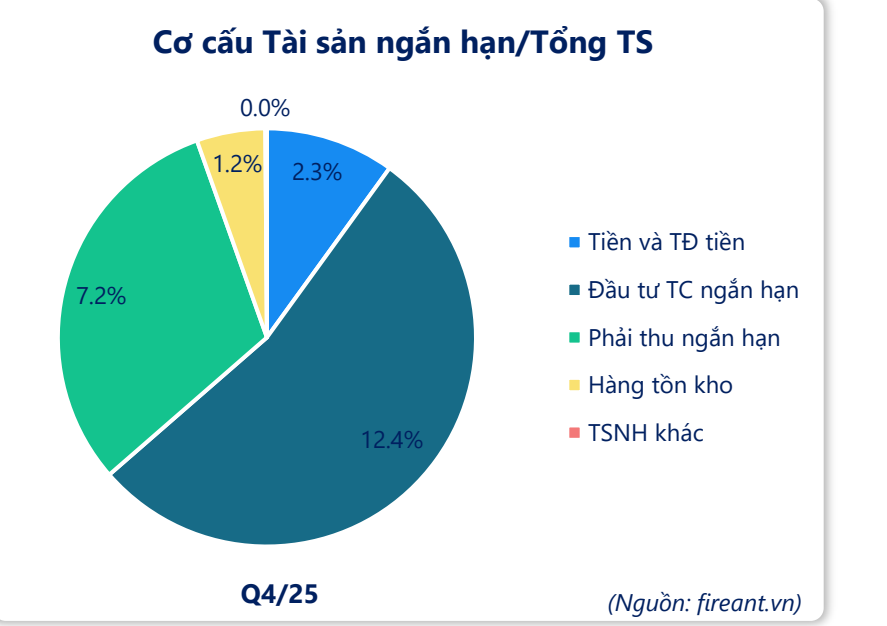
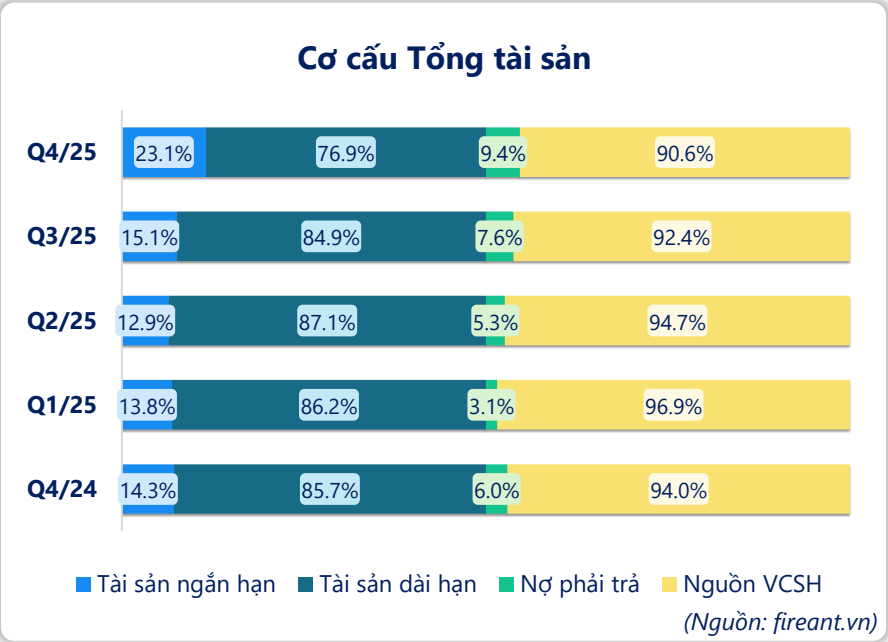
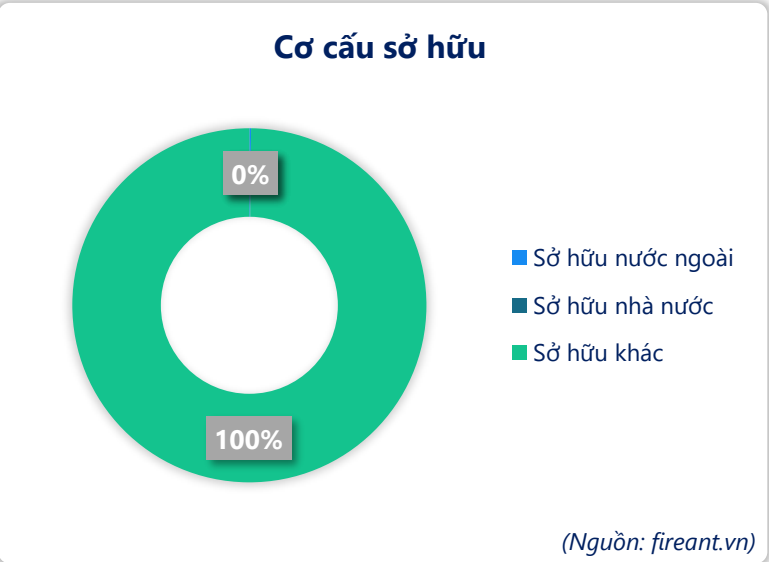
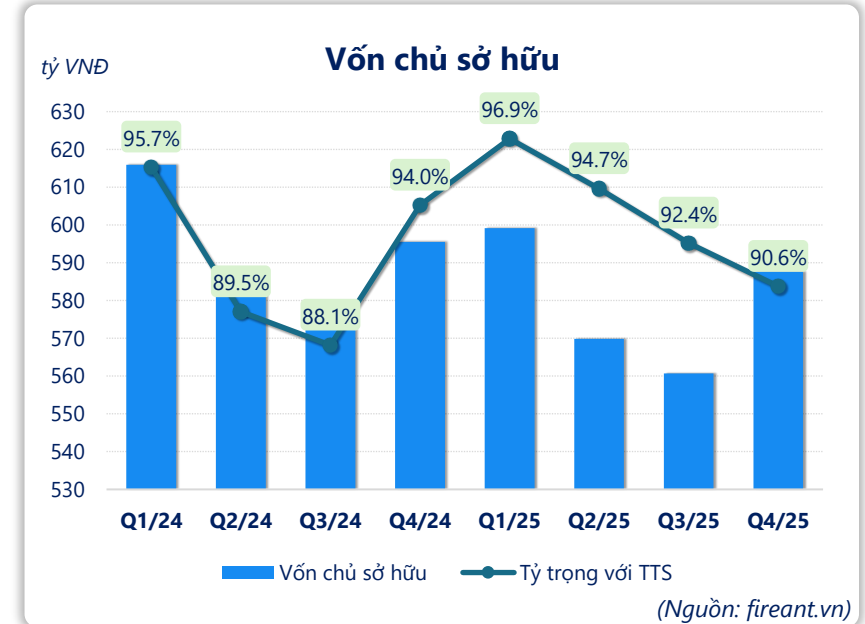
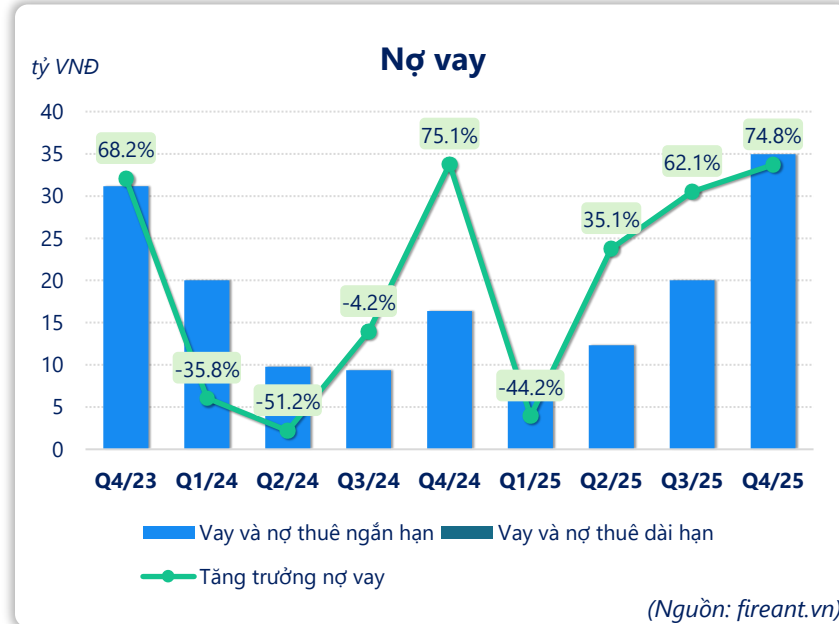
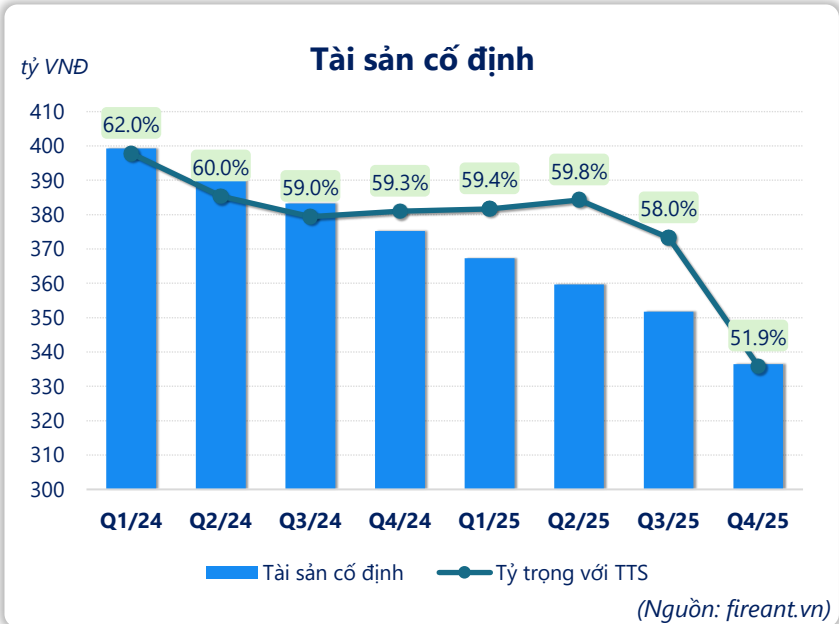
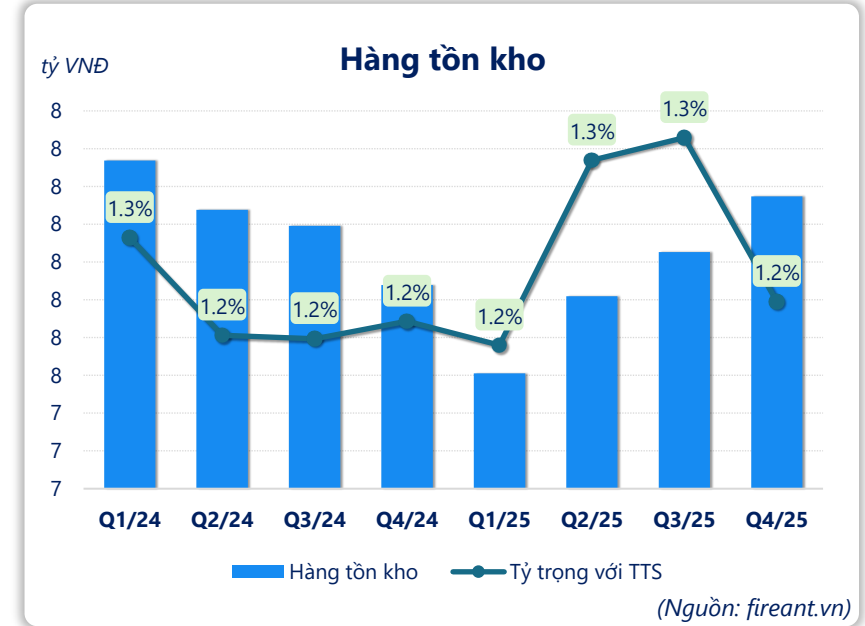
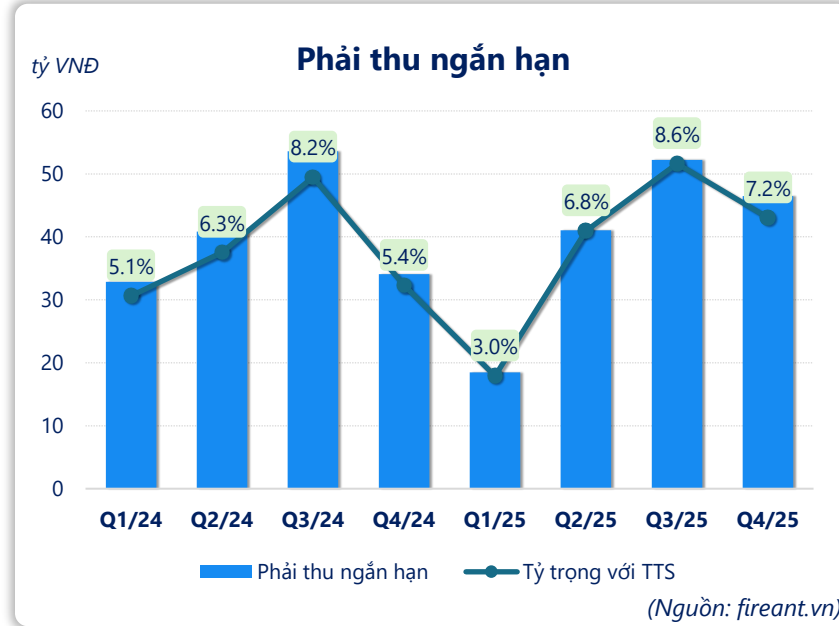
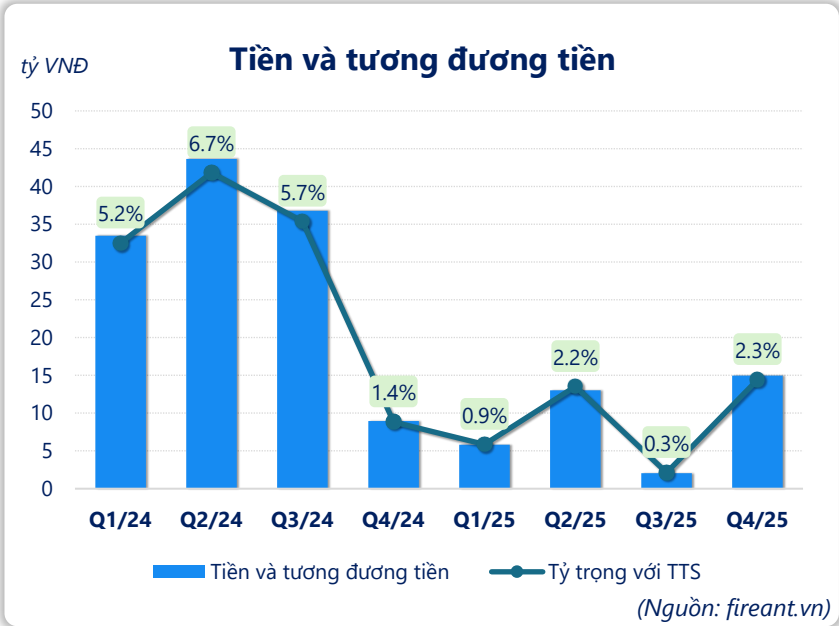
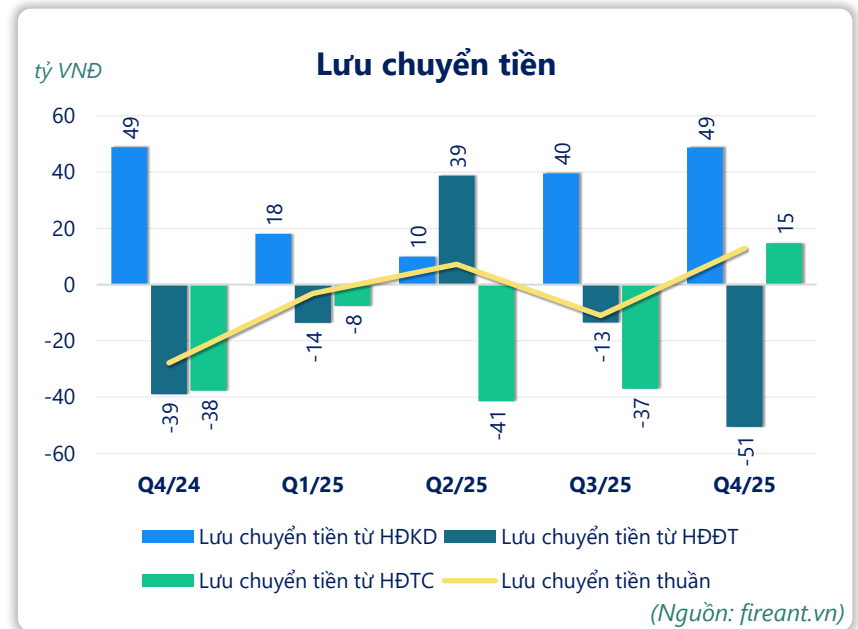
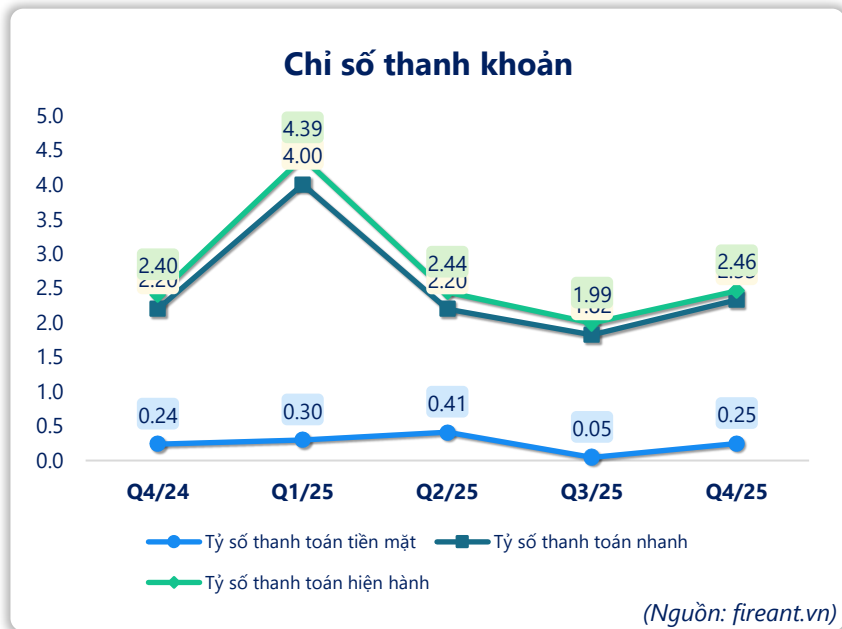
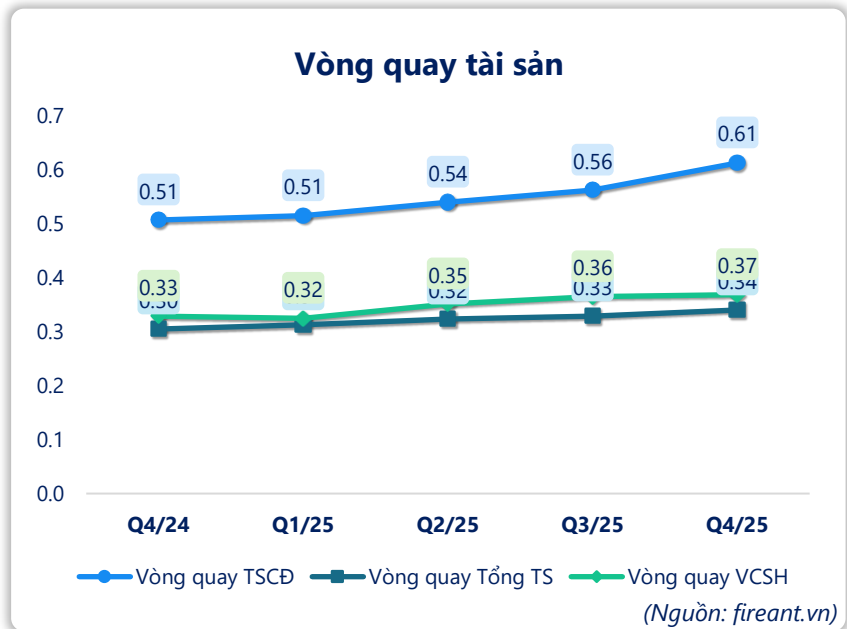
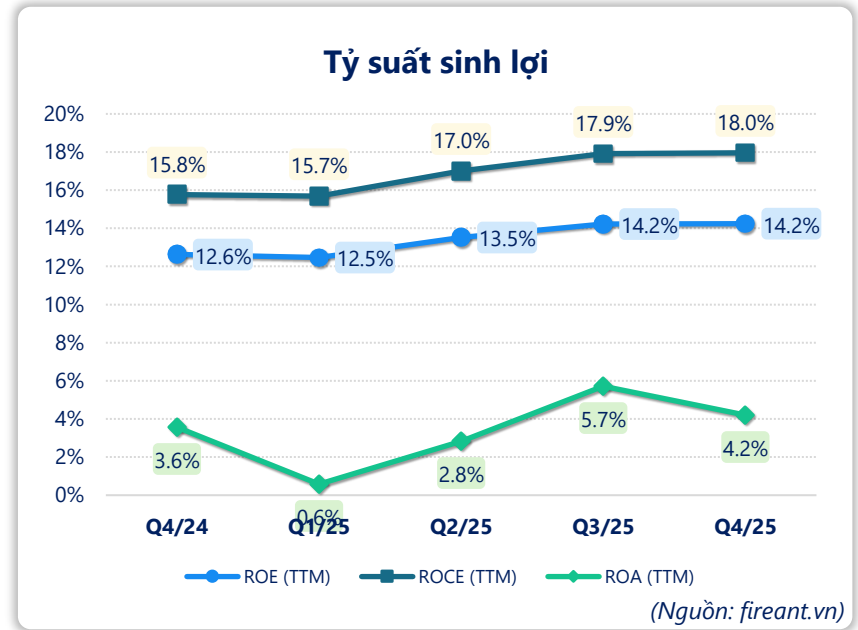
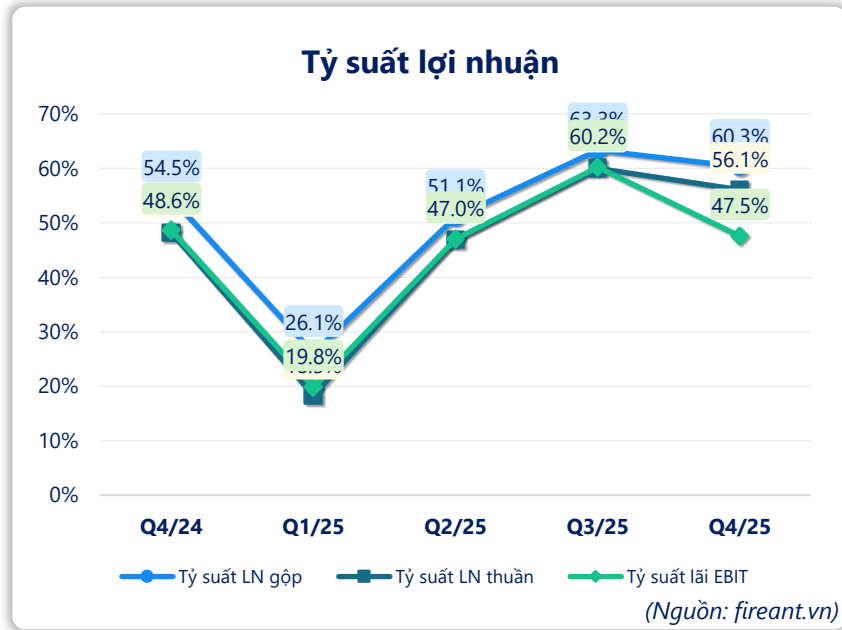
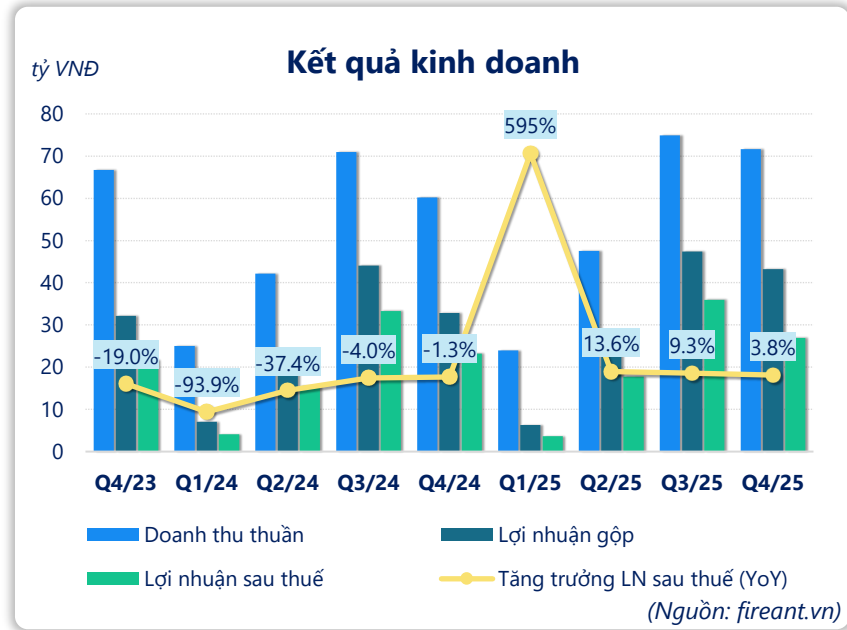


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,130
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,375
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,690
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,170
P/E		13.9
EPS		1,872

	YTD	1T	3T	6T
ISH	11.2%	1.6%	-3.7%	-2.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	649	633	2.4%
Tài sản ngắn hạn	150	90.8	65.3%
Tiền và tương đương tiền	15.0	8.95	67.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.5	40.0	101%
Phải thu ngắn hạn	46.5	34.1	36.5%
Hàng tồn kho	7.97	7.74	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.05	278%
Tài sản dài hạn	498	542	-8.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	336	375	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.60	1.47	9.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	160	166	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	61.0	37.8	61.5%
Nợ ngắn hạn	61.0	37.8	61.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.0	16.4	113%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.21	0.16	35.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	588	595	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	588	595	-1.3%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	60.2	24.0	47.5	74.9	71.6
Giá vốn hàng bán	27.4	17.7	23.3	27.5	28.4
Lợi nhuận gộp	32.8	6.26	24.3	47.4	43.2
Doanh thu HĐTC	0.19	0.74	0.86	0.41	0.86
Chi phí TC	0.15	0.11	0.10	0.16	0.37
Chi phí lãi vay	0.15	0.11	0.10	0.16	0.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.85	2.50	2.75	2.75	3.53
LN thuần từ HĐKD	29.0	4.39	22.3	44.9	40.2
Lợi nhuận khác	0.10	0.25	-0.04	0.01	-6.48
LN trước thuế	29.1	4.64	22.3	44.9	33.7
Lợi nhuận sau thuế	23.2	3.68	17.8	35.9	26.9
LNST của CĐ cty mẹ	23.2	3.68	17.8	35.9	26.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.9	18.0	9.96	39.6	48.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-39.0	-13.6	38.7	-13.5	-50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-37.7	-7.62	-41.5	-37.0	14.7
Tiền đầu kỳ	36.8	8.95	5.80	13.0	2.07
Lưu chuyển tiền thuần	-27.8	-3.15	7.20	-10.9	12.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.95	5.80	13.0	2.07	15.0

(Nguồn: fireant.vn)